

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (AIC)



Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban đầu giá bán cổ phần Công ty Tư vấn đầu tư và Phát triển công nghệ (AIC) khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đầu giá.

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ TỔ CHỨC ĐẦU GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 59 – Quang Trung – Quận Hai Bà Trưng – Hà nội

Điện thoại: (84.4) 9445888 Fax: (84.4) 9446476/9445889

VISecurities

CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ

Hà Nội, tháng 11/2009

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

Cổ phần bán đấu giá	: Cổ phần của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư & Phát triển công nghệ (AIC) – là công ty được thành lập từ quá trình cổ phần hóa Công ty Tư vấn đầu tư & Phát triển công nghệ (AIC)
Loại cổ phần chào bán	: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá một cổ phần	: 10.000 đồng
Vốn điều lệ sau cổ phần hoá	: 6.000.000.000 đồng (<i>bằng chữ: Sáu tỷ đồng</i>)
Tổng số cổ phần bán đấu giá	: 168.500 cổ phần (tương ứng 28% vốn điều lệ)
Giá khởi điểm đấu giá	: 10.000 đồng/cổ phần
Hình thức bán đấu giá	: Bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài để cổ phần hóa
Giới hạn số lượng cổ phần trong bán đấu giá	Mỗi nhà đầu tư (bao gồm nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài) được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần và khối lượng đặt mua tương ứng là bội số của 100, tối đa bằng tổng số lượng chào bán qua đấu giá.
Bước giá trong đấu giá	: 100 đồng
Mức giá trong đấu giá	Mỗi nhà đầu tư được đăng ký hai (02) mức giá, tổng khối lượng đặt mua của các mức giá đúng bằng số cổ phần đã đăng ký mua và đặt cọc
Địa điểm tổ chức bán đấu giá	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
Phương thức thanh toán	: Bằng tiền mặt/chuyển khoản vào tài khoản cho Tổ chức đấu giá

MỤC LỤC

NỘI DUNG	5
I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	5
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	5
1. Doanh nghiệp bán đấu giá	5
2. Tổ chức tư vấn.....	6
III. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	6
1. Đơn vị bán đấu giá cổ phần	6
2. Đơn vị tư vấn bán đấu giá và tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần	6
IV. CÁC TỪ VIẾT TẮT	6
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN..	7
1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp bán đấu giá cổ phần.....	7
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	7
3. Cơ cấu tổ chức, quản lý	8
4. Cơ cấu lao động.....	9
4.1. Lao động tại thời điểm cổ phần hóa:.....	9
4.2. Lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần:	10
5. Giá trị doanh nghiệp và một số vấn đề liên quan đến tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (01/01/2009)	11
5.1. Tổng giá trị doanh nghiệp theo thực tế	11
5.2. Nguồn vốn Nhà nước	11
5.3. Tổng giá trị tài sản	11
5.4. Tình hình sử dụng đất đai của doanh nghiệp (tính đến ngày 01/01/2009)	12
5.4. Các vấn đề khác cần xem xét, giải quyết.....	13
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con	14
6.1. Danh sách công ty mẹ.....	14
6.2. Danh sách các công ty con	14
7. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa:.....	14
7.1. Tình hình hoạt động kinh doanh:	14
7.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước khi cổ phần hóa	17
7.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	20

7.3.1.	Thuận lợi.....	20
7.3.2.	Khó khăn.....	21

VII. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

1.	Tên công ty và trụ sở giao dịch	22
2.	Ngành nghề kinh doanh.....	22
3.	Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	22
4.	Tổ chức bộ máy quản lý công ty cổ phần.....	23
5.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa	24
5.1.	Mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh	24
5.2.	Các giải pháp chủ yếu thực hiện mục tiêu.....	24
6.	Các chỉ tiêu tài chính cơ bản (giai đoạn 2010 – 2012)	25
7.	Rủi ro của đợt bán đấu giá.....	26
7.1	Rủi ro về kinh tế.....	26
7.2	Rủi ro về luật pháp	27
7.3	Rủi ro về đặc thù ngành.....	27
7.4	Rủi ro khác.....	27

NỘI DUNG

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

- Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 tại kỳ họp khóa XI, kỳ họp thứ 8;
- Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 146/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề về tài chính khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ;
- Quyết định số 2217/QĐ-BQP ngày 29/07/2008 của Bộ Quốc Phòng về việc cổ phần hóa Công ty Tư vấn đầu tư và Phát triển Công nghệ;
- Quyết định số 2825/QĐ-BQP ngày 15/09/2008 của Bộ Quốc Phòng về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Tư vấn đầu tư và Phát triển Công nghệ và Quyết định số 1073/QĐ-BQP ngày 23/09/2008 của Bộ Quốc Phòng về việc thành lập tổ giúp việc cổ phần hóa Công ty Tư vấn đầu tư và Phát triển Công nghệ.
- Quyết định số 1881/QĐ-BQP ngày 17/06/2009 của Bộ Quốc Phòng về giá trị doanh nghiệp Công ty Tư vấn đầu tư và Phát triển Công nghệ thuộc Học viện Kỹ thuật quân sự để cổ phần hóa;
- Quyết định số 3451/QĐ-BQP ngày 01/10/2009 của Bộ Quốc Phòng về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Tư vấn đầu tư và Phát triển Công nghệ thành Công ty cổ phần.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Doanh nghiệp bán đấu giá

CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Ông: LÊ ANH DŨNG	Chức vụ: Giám đốc Công ty
Ông: TRẦN SƠN TÙNG	Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty
Ông: NGUYỄN NHƯ BẮC	Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty
Ông: PHẠM HOÀNG NAM	Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty
Ông: LÊ DUY LUẬN	Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là khách quan, trung thực, phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài

chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty Tư vấn đầu tư và Phát triển Công nghệ trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM (VISecurities)

Đại diện: Bà La Thị Hồng Hoa

Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Doanh nghiệp

Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Tư vấn đầu tư và Phát triển Công nghệ cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng những trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

III. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

1. Đơn vị bán đấu giá cổ phần

CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (AIC)

- Địa chỉ Trụ sở chính: 23 Phan Bội Châu, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Điện thoại: (84.4) 3 942.1039

Fax: (84.4) 3 942.3286

2. Đơn vị tư vấn bán đấu giá và tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM (VISecurities)

- Địa chỉ Trụ sở chính: Số 59 – Quang Trung – Quận Hai Bà Trưng – Hà nội

- Điện thoại: (84.4) 3 9445888

Fax: (84.4) 3 9446476

IV. CÁC TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

CNĐKKD : Chứng nhận đăng ký kinh doanh

Công ty : Công ty Tư vấn đầu tư và Phát triển Công nghệ

AIC : Công ty Tư vấn đầu tư và Phát triển Công nghệ

BQP : Bộ Quốc phòng

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp bán đấu giá cổ phần

Tên doanh nghiệp	: CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (AIC) –BỘ QUỐC PHÒNG
Tên tiếng Anh	: Advancing Technologies & Investment Consultants Corporation (AIC)
Tên viết tắt	: AIC
Địa chỉ	: 23 Phan Bội Châu, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại	: (84.4)3 942.1039 Fax: (84.4) 3 942.3286
Giấy CNDKKD	: số 0106000056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/09/1993 và cấp thay đổi lần 4 ngày 12/11/2003.
Ngành nghề kinh doanh	: + Nghiên cứu và phát triển công nghệ; + Sản xuất, lắp ráp, dịch vụ và kinh doanh các thiết bị điện tử-tin học-viễn thông-tự động hóa; Sản xuất máy truyền thanh, truyền hình và các thiết bị cho điện thoại, điện báo; + Khảo sát, thiết kế và tư vấn xây dựng; Thi công, xây lắp các công trình điện nhẹ, lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng; + Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phần mềm phục vụ sản xuất của Công ty; Tư vấn và cung cấp phần mềm; kinh doanh các dịch vụ internet (ISP) + Tư vấn đầu tư, thiết kế, thẩm định và chuyển giao công nghệ các công trình điện tử-tin học-viễn thông-tự động hóa

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Tư vấn đầu tư và Phát triển công nghệ (AIC) được thành lập theo Quyết định số 320/QĐ-BQP ngày 27/07/1993 của Bộ Quốc Phòng¹, tiền thân từ Công ty Công nghệ Điện tử Tin học - đơn vị trực thuộc Học viện Kỹ thuật Quân sự. Nhiệm vụ chính của Công ty được giao khi thành lập là sản xuất, kinh doanh dịch vụ các thiết bị điện tử, tin học.

Theo thời gian trưởng thành, Công ty đã trải qua một số lần đổi tên để phù hợp với cơ chế quản lý và chức năng hoạt động trong từng thời kỳ. Năm 2003, trong lần đổi tên gần nhất thành Công ty Tư vấn Đầu tư và Phát triển Công nghệ (AIC) như hiện nay, AIC nhận sáp nhập thêm Công ty 28/10 (thuộc Học Viện Kỹ thuật Quân sự) và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức.

¹ Thương hiệu AIC trên thị trường công nghệ thông tin thực ra có thể tính từ 2/8/1989, khi Học viện Kỹ thuật Quân sự liên doanh với Viện Điều tra quy hoạch (Bộ Lâm nghiệp) thành lập Công ty Phát triển Công nghệ Tin học (AIC). Năm 1993, Công ty Phát triển Công nghệ tin học (AIC) liên doanh giải thể và BQP thành lập Công ty Phát triển Công nghệ Thông tin – Bộ Quốc Phòng (nay là Công ty Tư vấn đầu tư và Phát triển công nghệ (AIC)- Bộ Quốc Phòng

Trải qua 15 năm hoạt động, Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, xác lập được vị thế trên thị trường và ngày càng phát triển. Hiện nay, AIC là một trong những doanh nghiệp hoạt động tư vấn, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ có uy tín trong và ngoài quân đội. Công ty đã được giao tư vấn và tham gia cung cấp giải pháp thiết kế, trang thiết bị và phần mềm cho nhiều dự án Quốc phòng-An ninh lớn thuộc các chương trình quốc gia về Biển Đông-Hải đảo, Cảnh giới-Bảo vệ vùng trời, Vệ tinh viễn thông VINASAT, Đường tuần tra biên giới, Dự án di dời một số nhà máy quốc phòng, các Dự án hiện đại hóa nhiều nhà máy xí nghiệp quốc phòng và dân sinh, các Khu vực kinh tế quan trọng như công nghiệp dầu khí (VietsovPetro), nhiều cơ quan Đảng, Quốc hội và Nhà nước.

Các sản phẩm của công ty sản xuất có hàm lượng chất xám cao, nhiều sản phẩm đã đạt được các phần thưởng hoặc huy chương tại các hội chợ, triển lãm.

Một số giải thưởng tiêu biểu AIC đã đạt được:

- 02 giải nhì Vifotec (không có giải nhất) trong lĩnh vực Điện tử-Công nghệ thông tin năm 2005 và năm 2007.
- Một số huy chương vàng hội chợ Techmart quốc gia.
- Bằng khen và giấy khen của Quốc hội, Bộ Quốc phòng và của các đơn vị sử dụng sản phẩm-dịch vụ của AIC.

Khách hàng truyền thống của AIC là những đơn vị kinh tế lớn, yêu cầu trình độ công nghệ cao như Liên doanh dầu khí Việt Xô, các nhà máy quốc phòng, các cơ quan, đơn vị, quân binh chủng, các Học viện, Nhà trường quân đội, Hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, Ban cơ yếu Chính phủ,...

Công ty có quan hệ bạn hàng với nhiều đối tác quốc tế trong xuất nhập khẩu và chuyển giao công nghệ các sản phẩm có trình độ kỹ thuật cao, có tính cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới. Riêng trong lĩnh vực gia công phần mềm, công ty cũng đã có những kết quả bước đầu với đối tác Mỹ, Nhật.

3. Cơ cấu tổ chức, quản lý

Cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty bao gồm Ban Giám đốc, Khối quản lý (Văn phòng) và Khối sản xuất – kinh doanh. Cụ thể như sau:

*** Ban Giám đốc:** Đứng đầu là Giám đốc Công ty, thực hiện quản lý điều hành toàn bộ các hoạt động của Công ty, tổ chức triển khai có hiệu quả các chiến lược, kế hoạch, dự án đã được Học viện Kỹ thuật quân sự phê duyệt. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

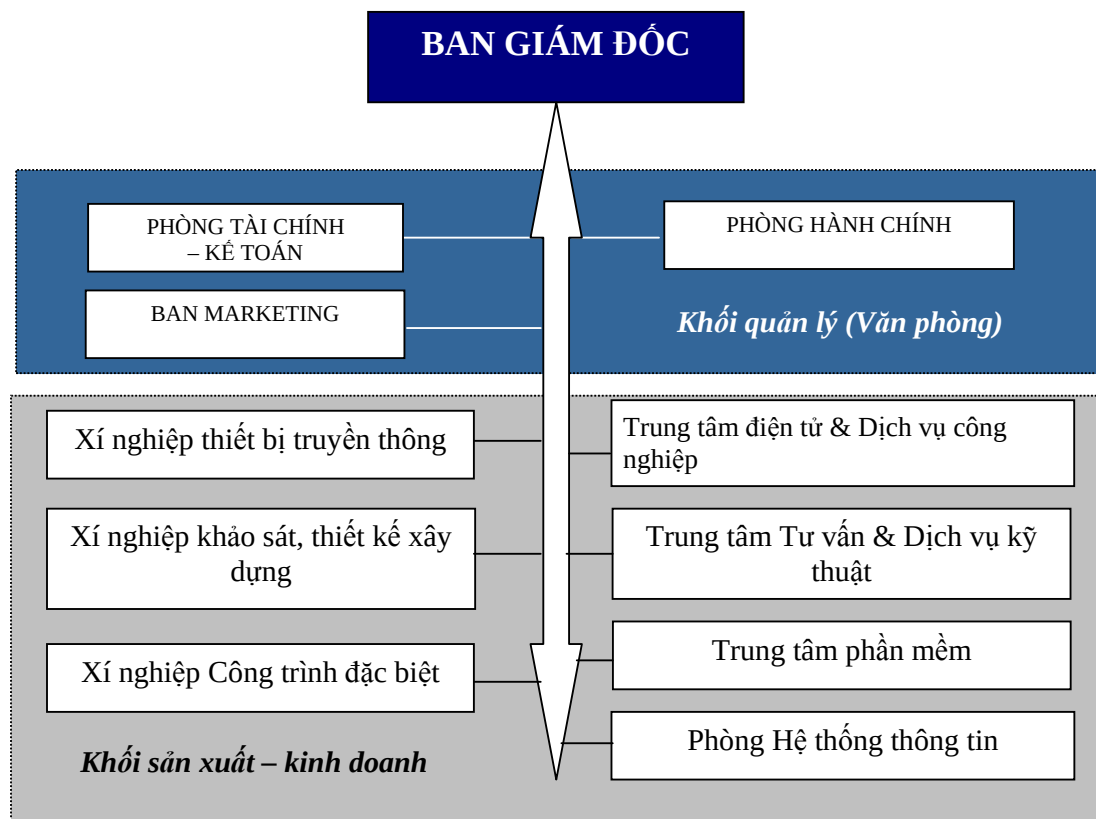
*** Khối quản lý Văn phòng :** Công ty có 03 phòng – ban chức năng:

- Phòng Tài chính – Kế toán
- Phòng Hành chính
- Ban Marketing

*** Khối sản xuất – kinh doanh:** Các đơn vị sản xuất-kinh doanh gồm:

- 03 Trung tâm và 01 Xí nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Điện tử-Viễn thông-Công nghệ thông tin-Tự động hóa;
- 02 Xí nghiệp Tư vấn khảo sát, thiết kế các công trình quân sự và dân dụng;
- 01 Phòng Hệ thống thông tin.

Sơ đồ tổ chức:



4. Cơ cấu lao động

4.1. Lao động tại thời điểm cổ phần hóa:

Tổng số lao động tại Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là 104 người (bao gồm cả 21 cộng tác viên cơ hữu và cán bộ kiêm nhiệm từ Học viện Kỹ thuật quân sự), trong đó gần 90% là lao động chuyên môn kỹ thuật, được đào tạo cơ bản, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty.

Phân loại lao động:

- Phân theo trình độ:

+ Cán bộ có trình độ trên đại học	: 21 người
+ Cán bộ có trình độ đại học	: 60 người
+ Cán bộ có trình độ cao đẳng	: 06 người
+ Công nhân trung cấp	: 06 người
+ Khác	: 11 người

Tổng số

: 104 người

- Phân theo loại hợp đồng lao động:

+ Không thuộc diện ký hợp đồng lao động (gồm sỹ quan và quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng) : 30 người

+ Ký hợp đồng không xác định thời hạn : 20 người

+ Ký hợp đồng xác định thời hạn (từ 3 - 36 tháng) : 54 người

Tổng số

: 104 người

4.2. Lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần:

Tổng số lao động chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần là 84 người, bao gồm toàn bộ số lao động hiện có, trừ số cộng tác viên/cán bộ kiêm nhiệm từ Trung tâm EIC và các bộ phận khác thuộc Học viện Kỹ thuật Quân sự hiện vẫn đang làm việc thường xuyên tại AIC trước khi chuyển sang Công ty cổ phần.

* Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 0 người

* Lao động chuyển sang Công ty cổ phần phân theo loại hợp đồng lao động:

+ Không thuộc diện ký hợp đồng lao động : 10 người

+ Ký hợp đồng lao động : 74 người

Tổng số

: 84 người

Ngoài số lao động thuộc thành phần cơ hữu, do Công ty trực tiếp trả lương và bảo hiểm xã hội ở trên, Công ty tiếp tục khuyến khích và tạo điều kiện để cán bộ giáo viên, các nhà khoa học của Học viện Kỹ thuật quân sự tham gia các hợp đồng, dự án và dịch vụ Khoa học công nghệ của AIC. Số cán bộ này được trả thù lao theo cơ chế hợp đồng công việc qua đầu mỗi Học viện, hoặc trực tiếp với các đơn vị trong Học viện hay cá nhân theo một cơ chế quy định, được sự thỏa thuận của Học viện hoặc đơn vị, cá nhân cụ thể. Dự kiến lực lượng huy động dưới dạng cộng tác viên có thể bằng 50%-100% lao động thuộc thành phần cơ hữu trong những thời kỳ cao điểm nhất.

Riêng đối với các đơn vị đã cùng gắn bó lâu dài trong Công ty, AIC sẽ tạo ra các bộ phận liên kết dưới dạng cùng đầu tư, theo đó:

+ Máy móc, vật tư và thị trường: AIC chịu trách nhiệm

+ Nhân lực và quản lý: đơn vị liên kết chịu trách nhiệm

Bằng cách này, Công ty phát huy vai trò đặc thù của một doanh nghiệp thuộc trường đại học, một mặt tạo điều kiện tốt để các nhà khoa học cống hiến lao động chất xám tạo ra của cải, vật chất phù hợp với trình độ và khả năng, đóng góp cho xã hội và an ninh quốc phòng, mặt khác tái đầu tư cho cá nhân nhà khoa học, các đơn vị học thuật trong Học viện và tăng lợi nhuận của Công ty.

Trong giai đoạn đầu sau cổ phần hóa, mô hình này dự kiến áp dụng cho Trung tâm phần mềm (AIC Software) trên cơ sở liên kết với Trung tâm EIC của Học viện Kỹ thuật quân sự. Công ty sẽ đầu tư trang thiết bị và thị trường, Trung tâm EIC lo nhân lực quản lý, điều hành và thực

hiện các dự án phần mềm. Cơ chế hoạt động theo hợp đồng phân chia lợi nhuận và trách nhiệm thỏa thuận giữa hai bên.

5. Giá trị doanh nghiệp và một số vấn đề liên quan đến tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (01/01/2009)

5.1. Tổng giá trị doanh nghiệp theo thực tế

Tổng giá trị thực tế của Công ty tại thời điểm 0h ngày 01/01/2009 theo Quyết định số 1881/QĐ-BQP ngày 17/06/2009 của Bộ Quốc Phòng về giá trị doanh nghiệp AIC để cổ phần hóa là **24.890.902.903 VND**, trong đó:

- Phân theo cơ cấu tài sản:
 - + Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn : 20.463.144.058 đồng
 - + Tài sản cố định và đầu tư dài hạn : 4.427.758.845 đồng
- Phân theo nguồn vốn:
 - + Nợ phải trả : 18.431.323.184 đồng
 - + Quỹ phúc lợi và khen thưởng : 686.580.801 đồng
 - + Vốn chủ sở hữu : 5.772.998.918 đồng

5.2. Nguồn vốn Nhà nước

Nguồn vốn Nhà nước tại Công ty theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số 1881/QĐ-BQP ngày 17/06/2009 của BQP là: **5.772.998.918 VND**, trong đó:

- Vốn Nhà nước trên sổ sách : 5.555.325.774 đồng
- Nguồn vốn tăng do đánh giá lại tài sản : 217.673.144 đồng

5.3. Tổng giá trị tài sản

Tổng giá trị tài sản của Công ty thời điểm 31/12/2008 là: **24.971.247.936 VND**, trong đó:

- a) Tài sản đang dùng theo Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số 1881/QĐ-BQP ngày 17/06/2009 của BQP là: **24.890.902.903 VND**

	Khoản mục	Số dư ngày 31/12/2008
I	TÀI SẢN DÀI HẠN	4.420.691.910
1	Tài sản cố định đang dùng	655.871.935
	Nguyên giá	1.714.455.159
	Giá trị hao mòn lũy kế	-1.058.583.224
2	Tài sản cố định không cần dùng	0
3	Tài sản cố định chờ thanh lý	0
4	Tài sản cố định hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng	0
5	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0
6	Tài sản dài hạn khác	224.512.222
	Chi phí trả trước dài hạn	224.512.222
	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	0
	Giá trị quyền sử dụng đất	0
7	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0

	Khoản mục	Số dư ngày 31/12/2008
8	Các khoản phải thu dài hạn	1.904.997.753
9	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.635.310.000
II	TÀI SẢN NGẮN HẠN	20.470.210.993
1	Tiền	2.902.022.823
2	Đầu tư tài chính	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	12.330.436.225
4	Vật tư, hàng hóa tồn kho	3.157.426.907
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.080.325.038
	TỔNG TÀI SẢN	24.890.902.903

Chi tiết tình hình tài sản cố định đang dùng:

			DVT: VND
Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	1.543.318.169	1.010.094.408	533.223.761
Nhà cửa, vật kiến trúc	0	0	0
Máy móc, thiết bị	603.862.169	421.596.308	182.265.861
Phương tiện vận tải	886.148.000	565.158.800	320.989.200
TSCĐ khác	53.308.000	23.339.300	29.968.700
Tài sản cố định vô hình	171.136.990	48.488.816	122.648.174
Quyền sử dụng đất	0	0	0
TSCĐ vô hình khác	171.136.990	48.488.816	122.648.174
Tổng Tài sản cố định	1.714.455.159	1.058.583.224	655.871.935

b) Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (ghi giảm vốn Nhà nước): **80.345.033 VND**

Khoản mục	Số dư tại ngày 31/12/2008
Tài sản cố định chờ thanh lý	64.390.388
Nguyên giá	416.247.300
Máy móc thiết bị	416.247.300
Nhà cửa, kiến trúc	0
Giá trị hao mòn lũy kế	351.856.912
Máy móc thiết bị	351.856.912
Nhà cửa, kiến trúc	0
Thành phần không cần dùng chờ thanh lý	15.954.645
Tổng tài sản không tính vào GTDN	80.345.033

5.4. Tình hình sử dụng đất đai của doanh nghiệp (tính đến ngày 01/01/2009)

- Tổng giá trị quyền sử dụng đất của Công ty: 0

5.4. Các vấn đề khác cần xem xét, giải quyết

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (01/01/2009), Công ty đang có một số công nợ phải thu khó đòi đã phát sinh từ nhiều năm trước. Hiện công ty đang hoàn thiện hồ sơ xin xử lý một phần bằng quỹ dự phòng tài chính, số còn lại xin giảm vốn Nhà nước trong giai đoạn 2 (khi chuyển giao sang công ty cổ phần).

a) Bảng kê các khoản công nợ quá hạn, khó đòi xin xử lý bằng quỹ dự phòng tài chính:

Bên nợ	Thời gian phát sinh nợ	Nợ quá hạn, khó đòi sau khi công bố giá trị doanh nghiệp	Công nợ khó đòi không có khả năng thu hồi	Công nợ kiến nghị xử lý bằng quỹ dự phòng tài chính
Văn phòng Công ty				
Ban Quản lý các công trình Biển Đông, Bộ GTVT	1998	240.851.602	240.851.602	240.851.602
	2000	100.099.013	100.099.013	100.099.013
Cộng		340.950.615	340.950.615	340.950.615

b) Bảng kê các khoản công nợ quá hạn, khó đòi chuyển sang công ty mua bán nợ, ghi giảm vốn Nhà nước giai đoạn 2 (khi chuyển giao sang công ty cổ phần):

	Bên nợ	Thời gian phát sinh nợ	Nợ quá hạn, khó đòi sau khi công bố giá trị DN	Công nợ khó đòi không có khả năng thu hồi	Công nợ kiến nghị ghi giảm vốn Nhà nước
A	Văn phòng Công ty				
1	Ban Quản lý các công trình Biển Đông, Bộ GTVT	1998	25.507.535	25.507.535	25.507.535
		2000	67.575.201	67.575.201	67.575.201
		2004	40.951.268	40.951.268	40.951.268
B	Trung tâm phần mềm				
1	Trung tâm kỹ thuật điện tử tin học, Học viện KTQS	2001	69.269.421	69.269.421	69.269.421
		2003	138.685.565	138.685.565	138.685.565
C	Trung tâm Điện tử và Dịch vụ Công nghiệp				
1	Cục Quân huấn, Bộ Tổng tham mưu, BQP	2005	6.548.388	6.548.388	6.548.388
D	Trung tâm tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật				
1	Ban bảo hiểm xã hội Việt Nam	2002	27.397.513	27.397.513	27.397.513
		2004	38.736.783	38.736.783	38.736.783
		2005	8.901.000	8.901.000	8.901.000
2	Ban Quản lý công trình Trường Sa	2004	33.936.153	33.936.153	33.936.153
Đ	Xí nghiệp khảo sát thiết kế xây dựng				
1	Cục Hậu cần, Quân khu 2	2003	28.976.254	28.976.254	28.976.254
2	Nhà văn hóa, Quân khu 4	2003	42.268.000	42.268.000	42.268.000

	Bên nợ	Thời gian phát sinh nợ	Nợ quá hạn, khó đòi sau khi công bố giá trị DN	Công nợ khó đòi không có khả năng thu hồi	Công nợ kiến nghị ghi giảm vốn Nhà nước
3	Trường dạy nghề N4	2003	6.545.000	6.545.000	6.545.000
4	Bộ chỉ huy biên phòng Sơn La	2003	4.350.000	4.350.000	4.350.000
5	Đoàn kinh tế quốc phòng Sông Mã	2004	23.485.143	23.485.143	23.485.143
		2005	197.570.000	197.570.000	197.570.000
6	Sư đoàn 324, Quân khu 4	2005	70.000.000	70.000.000	70.000.000
	Cộng		830.703.224	830.703.224	830.703.224

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con

6.1. Danh sách công ty mẹ

Không có

6.2. Danh sách các công ty con

Không có

7. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa:

7.1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

AIC đã có hơn 15 năm hoạt động trong lĩnh vực điện tử, tin học, viễn thông, tự động hóa và khảo sát thiết kế xây dựng. Nòng cốt của Công ty là lực lượng hùng hậu hơn 100 kỹ sư và cán bộ trong và ngoài Quân đội, trong đó có các giáo sư, tiến sỹ, thạc sỹ với tri thức chuyên môn sâu sắc và kinh nghiệm thực tế rộng lớn. Với năng lực và kinh nghiệm thực tiễn trong những năm qua, AIC đang tiếp tục phát triển và cung cấp các giải pháp hệ thống và công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng trong nhiều lĩnh vực kinh tế.

 Các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu của AIC bao gồm:

*** Về công nghệ thông tin và phát triển phần mềm:** Tư vấn thiết kế và triển khai, phát triển phần mềm và đào tạo:

- Các dự án CNTT;
- Giải pháp mạng máy tính LAN, WAN và thiết bị văn phòng;
- Phần mềm hệ thống, phần mềm văn phòng, Web và các ứng dụng Internet;
- Siêu máy tính và phần mềm xử lý song song;
- Gia công phần mềm quốc tế.

*** Về điện tử và viễn thông:** Tư vấn thiết kế và triển khai, tích hợp và đào tạo, dịch vụ bảo trì:

- Các mạng thông tin vô tuyến điện (HF, VHF, viba);

- Thiết bị & hệ thống thông tin vệ tinh (VSAT);
- Các hệ thống chỉ huy - điều khiển (C4I);
- Chuyển giao công nghệ trong lắp ráp, chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng khí tài điện tử.

*** Về điện tử công nghiệp:** Thiết kế chế tạo và tích hợp cùng dịch vụ bảo trì:

- Các thiết bị & hệ thống đo lường điều khiển số, thiết bị phân tích chuyên dụng phục vụ ngành thăm dò và khai thác dầu khí;
- Các hệ thống đo kiểm tự động và các thiết bị điện tử chuyên dụng;
- Các hệ thống kiểm thử động cơ, các thiết bị đo và điều khiển quá trình công nghệ theo đơn đặt hàng;
- Các hệ thống mô phỏng đa phương tiện cho đào tạo và huấn luyện.

*** Về điện tử công trình:** Cung cấp giải pháp tổng thể bao gồm thiết kế, cung cấp, thi công, lắp đặt, bảo hành bảo trì các hệ thống:

- Âm thanh hội nghị, hội thảo;
- Âm thanh công cộng và quản lý vùng âm trong toàn tòa nhà;
- Camera quan sát ghi hình, truyền hình mạch kín và hệ thống chống đột nhập;
- Hệ thống chiếu sáng chuyên dụng.

*** Về tư vấn thiết kế xây dựng:**

- Khảo sát địa hình và địa chất công trình;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế các công trình;
- Giám sát thi công, đánh giá chất lượng công trình;
- Cung cấp các dịch vụ khoa học công nghệ liên quan đến công trình xây dựng.



Các sản phẩm và dịch vụ điển hình của AIC bao gồm:

- Tư vấn, thiết kế, tích hợp và triển khai hệ thống máy tính biên tập tin tức và chương trình Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, bao gồm cả biên tập tin và âm thanh số;
- Triển khai các hệ thống đa phương tiện hỗ trợ cho việc đào tạo và các sa bàn điện tử (Bảo tàng Quân đội);
- Cung cấp thiết bị và triển khai mạng tin học cho bảo hiểm xã hội các tỉnh thành (Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Đồng Tháp, Bình Định);
- Thiết kế và triển khai siêu máy tính: công nghệ SCI và công nghệ Ethernet, ứng dụng cho mô phỏng huấn luyện và tính toán tốc độ cao;
- Phát triển phần mềm cho một số hệ thống chỉ huy - điều khiển hoạt động;

- Xây dựng các trang web ODA cho Bộ KH - ĐT; trang web cho Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ nội vụ, trang web cho Sở Thương mại Hà Nội...;
- Tư vấn thiết kế, triển khai lắp đặt, đào tạo sử dụng hệ thống thông tin qua vệ tinh (VSAT), hệ thống thông tin vô tuyến điện sóng ngắn HF-VHF và trình sát điện tử;
- Thiết kế, chế tạo các hệ thống đo lường điều khiển phục vụ dầu khí (Vietsovpetro) và ngành thăm dò, khai thác khoáng sản khác: trạm đo khí GLS, trạm đo Carota điện ALS, trạm thử vỉa, thiết bị cảnh báo trạm giếng ASS-2002, trạm đo ĐVL than, máy giếng đo kiểm tra khai thác, máy giếng đo open hole họ AVRET...;
- Thiết kế, chế tạo các hệ thống kiểm thử tự động CHP75, C75M/125MB và các thiết bị điện tử chuyên dụng khác;
- Thiết kế, chế tạo hệ thống kiểm thử tự động các loại động cơ ô tô, tàu biển (Đại học & Trung học Hàng hải, Nhà máy Z155, Z756, Z753, X50).
- Thiết kế, chế tạo các hệ thống và thiết bị phục vụ y tế (thiết bị khử trùng không khí, quản lý mạng) cho Bệnh viện Việt Đức và một số thiết bị khác như điều khiển nhiệt, cột bơm nhiên liệu, hệ thống mục tiêu di động, tự động báo điểm ...;
- Thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống điện tử và CNTT phục vụ hội nghị cho các văn phòng, hội trường của các cơ quan Đảng, Chính phủ và Quốc hội;
- Tư vấn kỹ thuật và thi công lắp đặt hệ thống chiếu sáng nghệ thuật, camera và thiết bị âm thanh (tham gia công trình Nhà hát lớn Hà Nội, Sân vận động Hà Nội ...)

Hình ảnh một số thiết bị và các công trình do Công ty thi công

	
<i>Thiết kế công trình</i>	Trạm thử vỉa ghi số AWT-01 cho công nghiệp dầu khí

		
Hệ thống đa phương tiện phục vụ đào tạo		Hệ xử lý và phân phối dữ liệu cảnh giới
		
Hệ thống quản lý trang âm, hình ảnh, biểu quyết hội nghị		Bia di động và nâng hạ tự động ATS-250

7.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 3 năm trước khi cổ phần hóa

Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2006	2007		2008	
	Giá trị	Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị	Tăng trưởng
Tổng tài sản	98.599	45.273	-54%	24.761	-45,31%
A. Tài sản ngắn hạn	93.757	39.835	-58%	20.486	-48,57%
I. Vốn bằng tiền	6.604	5.461	-17%	2.902	-46,86%
II. Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu	83.429	26.572	-68%	12.330	-53,60%
1. Phải thu của khách hàng	11.929	6.568	-45%	6.930	5,52%
2. Trả trước cho người bán	65.678	19.728	-70%	5.370	-72,78%
3. Phải thu khác	5.822	276	-95%	30	-89,13%
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	-	-	-	-	-
IV. Hàng tồn kho	3.738	4.173	12%	3.173	-23,95%
V. TS ngắn hạn khác	(14)	3.629	-	2.080	-42,68%
B. Tài sản dài hạn	4.842	5.438	12%	4.275	-21,39%
I. Các khoản phải thu dài hạn	2.726	2.051	-25%	1.912	-6,78%
1. Phải thu dài hạn khách hàng	2.726	2.051	-25%	1.912	-6,78%
II.TSCĐ	1.723	1.657	-4%	640	-61,41%
1. TSCĐ hữu hình	1.723	1.500	-13%	517	-65,53%
- Nguyên giá	5.930	6.101	3%	2.061	-66,22%
- Khấu hao (*)	4.207	4.601	9%	1.544	-66,44%

Chỉ tiêu	2006	2007		2008	
	Giá trị	Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị	Tăng trưởng
2. TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
3. TSCĐ vô hình	-	157	-	123	-21,97%
- Nguyên giá	-	171	-	171	0,00%
- Khấu hao (*)	-	14	-	48	246,43%
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
II. Đầu tư tài chính dài hạn	286	1.386	385 %	1.635	17,96%
III. Các tài sản dài hạn khác	107	343	221%	88	-74,37%
Tổng Nguồn vốn	98.599	45.273	-54%	24.761	-45,31%
A. Nợ phải trả	92.022	38.263	-58%	18.439	-51,81%
I. Nợ ngắn hạn	91.945	38.183	-58%	18.382	-51,86%
1. Vay và nợ ngắn hạn	5.515	2.664	-52%	4.587	72,18%
2. Phải trả người bán	4.805	1.286	-73%	5.603	335,69%
3. Người mua trả tiền trước	76.289	30.761	-60%	4.864	-84,19%
4. Thuế và các khoản phải nộp NS	552	351	-36%	1.272	262,39%
5. Phải trả CNV	2.239	815	-64%	1.887	131,50%
6. Phải trả, phải nộp khác	2.386	2.306	-3%	170	-92,65%
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	159	-	-100%	-	-
II. Nợ dài hạn	76	80	5%	57	-29,25%
1. Phải trả dài hạn người bán	50	50	-1%	-	-100,00%
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	26	30	15%	57	88,67%
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	6.577	7.010	7%	6.322	-9,81%
I. Vốn chủ sở hữu	6.059	6.246	3%	5.636	-9,77%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.200	5.682	9%	4.963	-12,65%
2. Quỹ đầu tư phát triển	613	189	-69%	253	34,15%
3. Quỹ dự phòng tài chính	246	301	22%	341	13,29%
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	75	-	79	5,33%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	518	764	47%	687	-10,13%
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	518	764	47%	687	-10,13%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008

Nhận xét:

Tổng tài sản của Công ty từ năm 2006-2008 của công ty giảm từ 98.599 triệu đồng vào năm 2006 xuống đến còn 24.761 triệu đồng vào năm 2008 (tương đương giảm 74,89%). Nguyên nhân chính gây ra sự sụt giảm về tổng tài sản là do các khoản phải thu giảm mạnh, đặc biệt là các khoản phải thu ngắn hạn do các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tới 50%-85% tổng tài sản. Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2007 giảm 68% so với năm 2006 và năm 2008 giảm 53,6% so với năm 2007, chủ yếu là giảm ở khoản mục trả trước cho người bán. Điều này chứng tỏ Công ty đã giảm được đáng kể việc bị khách hàng chiếm dụng vốn.

Do đặc thù là một đơn vị tư vấn về điện tử-tin học-viễn thông-tự động hóa, do vậy khoản mục tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng tài sản (từ 5-17%).

Các khoản nợ phải trả chiếm trên 70% trong tổng nguồn vốn và có xu hướng giảm dần qua các năm: năm 2006 chiếm 93% tổng tài sản, năm 2007 chiếm 85% và 2008 là 74%. Trong nợ phải trả, nợ phải trả ngắn hạn gần như chiếm 100%. Trong giai đoạn từ 2006-2008, mỗi năm nợ phải trả ngắn hạn đều giảm mạnh: năm 2007 giảm 58% so với năm 2006 và năm 2008 giảm 51,8% so với 2007. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản mục người mua trả tiền trước giảm mạnh. Như vậy song song với việc Công ty không bị khách hàng chiếm dụng vốn thì AIC cũng không tiếp tục được chiếm dụng vốn của khách hàng.

Báo cáo kết quả kinh doanh và một số chỉ tiêu tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2006	2007		2008	
	Giá trị	Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị	Tăng trưởng
Tổng doanh thu	50.040	33.536	-33%	48.537	44,73%
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần	50.040	33.536	-33%	48.537	44,73%
Giá vốn hàng bán	47.778	31.703	-34%	45.940	44,91%
Lợi nhuận gộp từ HĐKD	2.262	1.833	-19%	2.597	41,65%
Doanh thu hoạt động tài chính	149	297	99%	552	85,88%
Chi phí hoạt động tài chính	523	304	-42%	858	182,52%
Trong đó: chi phí lãi vay	523	304	-42%	831	173,63%
Lợi nhuận hoạt động tài chính	(374)	(7)	-	(306)	-
Chi phí bán hàng	(40)	193	-582%	363	88,38%
Chi phí quản lý DN	1.234	1.200	-3%	1.473	22,71%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	694	433	-38%	454	4,90%
Thu nhập khác	0,33	141	42.506%	66	-53,34%
Chi phí khác	41	13	-67%	17	27,82%
Lợi nhuận khác	(40)	127	-	49	-61,82%
Tổng lợi nhuận trước thuế	654	560	-14%	503	-10,26%
Thuế thu nhập DN phải nộp	171	105	-39%	3	-96,95%
Tổng lợi tức sau thuế	483	455	-6%	500	9,73%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2007, năm 2008

Ghi chú: Công ty được hưởng chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội. Theo đó: Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp của Quý 4/2008 và 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2009 đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu (2006-2008)

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2006	2007	2008
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	Lần	1,02	1,04	1,11
Hệ số thanh toán nhanh tương đối (lần)	Lần	0,98	0,84	0,83
Hệ số thanh toán nhanh tuyệt đối (lần)	Lần	0,07	0,14	0,16
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	Lần	0,93	0,85	0,74
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	7	15	26
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	-	8	13
Hiệu suất sử dụng tài sản	Lần	0,51	0,74	1,96
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,96	1,36	1,03
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	7	6	8
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,49	1,01	2,02

Công ty có kết quả kinh doanh khá ổn định trong giai đoạn 2006-2008 mặc dù có sự thay đổi lớn về tổng tài sản. Năm 2007 so với 2006, doanh thu thuần giảm 33% tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chỉ giảm 6% chủ yếu là do lợi nhuận hoạt động tài chính được cải thiện đáng kể và lợi nhuận khác tăng đột biến. Năm 2008, mặc dù doanh thu thuần tăng xấp xỉ 45% so với năm 2007, tuy nhiên lợi nhuận trước thuế lại giảm 10,3% so với năm 2007 do các khoản chi phí (chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi vay, chi phí khác) có xu hướng tăng và thu nhập khác giảm 53,3% so với năm trước. Mặc dù vậy, lợi nhuận trước thuế năm 2008 vẫn tăng khoảng 10% so với năm 2007 do AIC được hưởng chính sách ưu đãi thuế theo Nghị quyết 30/2008/NQ-CP của Chính Phủ.

Các hệ số về khả năng sinh lời của AIC thể hiện xu hướng tăng dần qua các năm với mức ROE khá tốt, bình quân đạt 7%/năm.

7.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo**7.3.1. Thuận lợi**

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty luôn có lãi, duy trì được sự tăng trưởng về doanh thu và vốn, thực hiện tốt việc đóng góp các nghĩa vụ cho ngân sách Nhà nước.
- Công ty có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất những mặt hàng có trình độ kỹ thuật cao, trong tư vấn lập dự án đầu tư và khả năng nghiên cứu chuyển giao công nghệ mới cho các đơn vị.
- Công ty đã thiết lập và duy trì được thương hiệu, mối quan hệ có uy tín cao với các bạn hàng tiềm năng trong và ngoài quân đội.
- Hoạt động của Công ty luôn có sự hợp tác chặt chẽ với Trung tâm EIC (một đơn vị nghiên cứu – đào tạo của Học viện Kỹ thuật quân sự) và với các cá nhân, tổ chức Khoa học công nghệ khác trong Học viện. Việc liên kết chặt chẽ với lực lượng học thuật của

Học viện Kỹ thuật quân sự là một đặc thù chi phối quá trình hoạt động của Công ty và cũng là thuận lợi rất lớn của AIC.

- Trên cơ sở có quan hệ mật thiết và tin cậy với các hãng phát triển công nghệ tiên tiến của các nước ở khu vực Bắc Mỹ, Châu Âu và Đông Bắc Á, công ty đang hướng tới mở rộng ra thị trường khu vực và thế giới.
- Đội ngũ cán bộ, công nhân viên của công ty có trình độ quản lý và chuyên môn cao, được đào tạo cơ bản, đoàn kết nhất trí xây dựng công ty ngày càng phát triển.

7.3.2. Khó khăn

Bên cạnh những mặt thuận lợi cơ bản như trên, công ty AIC còn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua, cụ thể:

*** Về hoạt động kinh doanh:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuy có tăng trưởng, có lãi, nhưng chưa vững chắc, tỷ suất lợi nhuận còn khá khiêm tốn.
- Hoạt động đầu tư và hoạt động marketing chưa được quan tâm đúng mức, còn mang tính tự phát.
- Việc sản xuất sản phẩm còn mang tính đơn chiếc, theo đơn đặt hàng; các hướng nghiên cứu mới, sản phẩm mới chưa tiếp cận được thị trường lớn, thời gian thử nghiệm còn kéo dài, quyết tâm đầu tư chưa cao.
- Nguồn vốn kinh doanh của Công ty cơ bản là vốn khách hàng trả trước và vốn vay nên còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh. Trong thời gian qua, các ngân hàng ngày càng thắt chặt cơ chế cho vay và tăng lãi suất tiền vay gây cho Công ty nhiều khó khăn. Công ty còn có nhiều khoản nợ chưa thu hồi được, chủ yếu là các khoản nợ để lại từ những năm trước và do bàn giao sáp nhập đơn vị khác vào Công ty.

*** Về tình hình tổ chức, quản lý:**

- Mô hình tổ chức, quản lý hiện nay chưa phù hợp với sự phát triển lâu dài của công ty, chưa tạo được sức mạnh tập trung do quy mô, phạm vi rộng, hoạt động bị xé lẻ. Mặt khác, các đơn vị trực thuộc Công ty là những đơn vị hạch toán phụ thuộc hoạt động theo ủy quyền, công ty cũng chưa bao quát quản lý tốt các đơn vị đó. Điều này dẫn đến việc chưa phát huy được hết trách nhiệm quản lý của lãnh đạo các đơn vị, tạo ra việc chùng chèo và cạnh tranh không lành mạnh về thị trường.
- Cơ chế phân phối tiền lương, tiền thưởng và các chế độ đãi ngộ khác chưa tạo được động lực mạnh thúc đẩy tăng năng suất, nâng cao hiệu quả của người lao động, chưa thực sự là đòn bẩy kinh tế cho sự phát triển của đơn vị.
- Công tác quản lý tài chính còn nhiều bất cập trong việc cung cấp kịp thời các thông tin phục vụ điều hành, chưa thực sự năng động trong việc tháo gỡ các khó khăn về tài chính cho công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Chưa tổ chức tốt công tác quy hoạch, bồi dưỡng cán bộ, thu hút nhân tài.
- Tóm lại, khi cổ phần hóa, công ty cần phát huy những thuận lợi và giải quyết được những khó khăn trên mới đảm bảo sự phát triển vững chắc của công ty cổ phần trong tương lai.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Tên công ty và trụ sở giao dịch

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ AIC
- Tên giao dịch quốc tế : ADVANCING TECHNOLOGIES & INVESTMNET CONSULTANS JOINT STOCK COMPANY (AIC JSC.)
- Tên viết tắt : Công ty AIC
- Địa chỉ Trụ sở chính : 23 Phan Bội Châu, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại : (84.4) 3 942.1039 Fax: (84.4) 3 942.3286
- Email : aic_info@aic.com.vn
- Website : <http://www.aic.com.vn>

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần dự kiến như sau:

- Nghiên cứu và phát triển khoa học công nghệ
- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh dịch vụ các thiết bị điện tử - tin học - viễn thông - tự động hoá
- Sản xuất máy truyền thanh, truyền hình và các thiết bị cho điện thoại, điện báo
- Thi công xây lắp các công trình điện nhẹ, lắp đặt trang thiết bị các công trình xây dựng
- Khảo sát thiết kế và tư vấn xây dựng
- Tư vấn và cung cấp phần mềm
- Tư vấn đầu tư, thiết kế, thẩm định và chuyển giao công nghệ công trình điện tử - tin học - viễn thông - tự động hoá
- Kinh doanh các dịch vụ Internet (ISP)
- Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phần mềm phục vụ sản xuất của Công ty
- Sản xuất, lắp đặt và kinh doanh các thiết bị điện, điện tử, điều khiển hàng hải
- Thiết kế các phương tiện cơ giới

3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công ty : 6.000.000.000 VND (Sáu tỷ đồng chẵn)
- Số cổ phần : 600.000 cổ phần (Sáu trăm nghìn cổ phần)
- Mệnh giá mỗi cổ phần : 10.000 đồng (Mười nghìn đồng chẵn).
- Cơ cấu vốn điều lệ phân loại theo sở hữu:

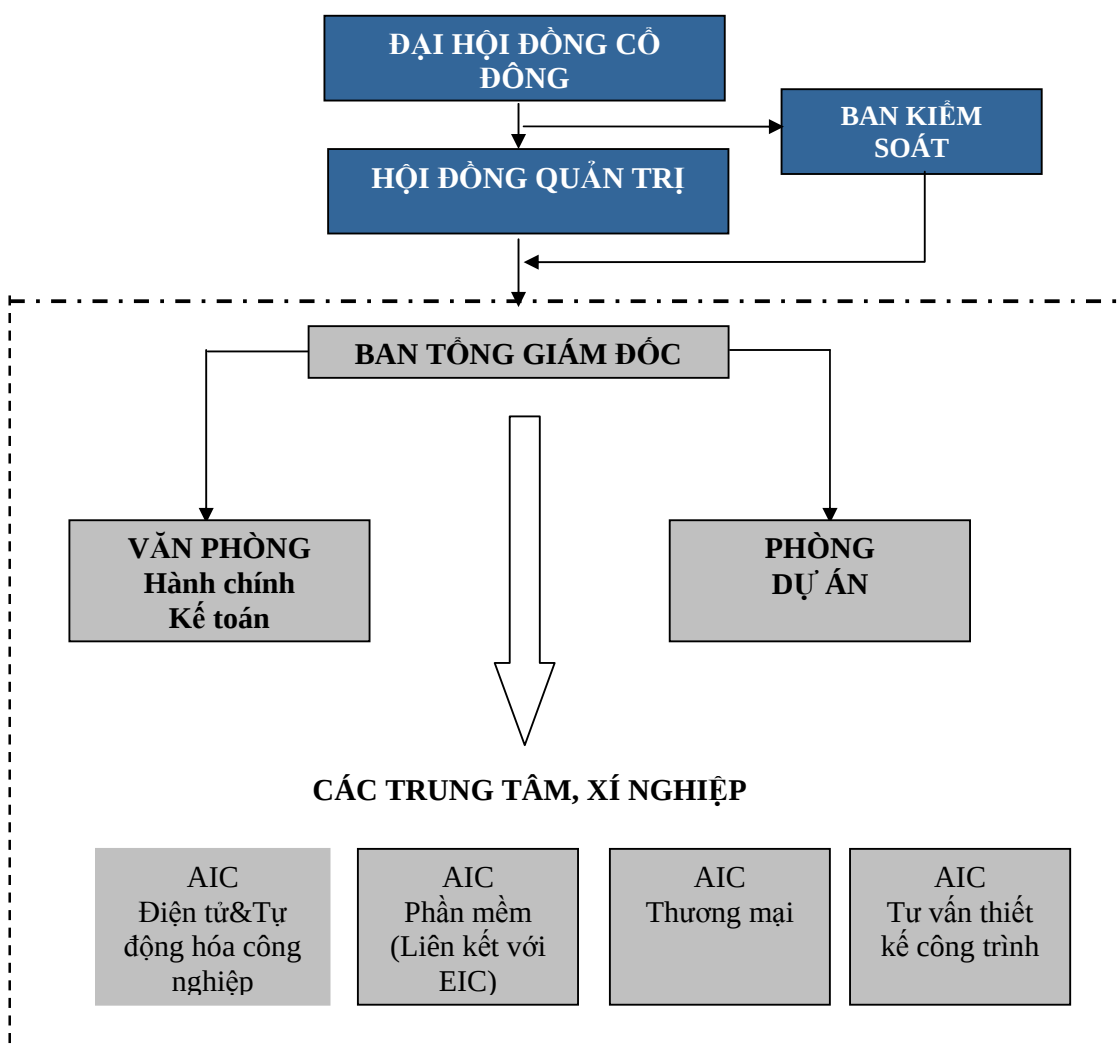
Cổ đông	Số lượng cổ phần năm giữ (cổ phần)	Giá trị cổ phần năm giữ (đồng)	Tỷ lệ cổ phần năm giữ/vốn điều lệ
Nhà nước	306.000	3.060.000.000	51%
CBCNV trong Công ty	125.500	1.255.000.000	21%
Cổ đông bên ngoài	168.500	1.685.000.000	28%
Tổng	600.000	6.000.000.000	100%

Nguồn: Phương án cổ phần hóa của AIC

4. Tổ chức bộ máy quản lý công ty cổ phần

Dự kiến mô hình tổ chức của Công ty sau cổ phần hóa trong giai đoạn đầu như sau:

Sơ đồ tổ chức của Công ty trong 3 năm sau đầu cổ phần hóa (2010-2012)



Trong giai đoạn tiếp theo (từ 2013), một số Trung tâm, xí nghiệp đủ điều kiện và có nhu cầu sẽ tách ra thành các đơn vị thành viên dưới một thương hiệu AIC chung, liên kết với nhau về vốn, về nguồn lực trong các phân khúc thị trường đặc thù. Đặc biệt, nhanh chóng tập trung xây dựng và hình thành các trung tâm công nghệ và dịch vụ đủ lớn nhằm gây dựng thương hiệu, hình ảnh công ty thống nhất trên phạm vi cả nước và quốc tế. Dự kiến, hình thành các công ty liên doanh, liên kết với nước ngoài để chuyển giao công nghệ, sản phẩm kỹ thuật cao như Bê-la-rút, CH Séc, Ucraina, Đài Loan...

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

5.1. Mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh

Sau khi cổ phần hóa, trong giai đoạn đầu (2010-2012), do tình hình kinh tế trong nước và trên thế giới còn đang khó khăn, đồng thời việc tổ chức lại và bước đầu vận hành một công ty cổ phần từ công ty nhà nước đã tồn tại 15 năm còn nhiều trở ngại, Công ty sẽ tập trung thực hiện mục tiêu chính là:

- Tái cấu trúc doanh nghiệp cho phù hợp với tình hình lao động (không có cộng tác viên từ Học viện trong thành phần hữu cơ);
- Từng bước xây dựng và thực hiện đầy đủ cơ chế, mô hình quản lý công ty cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp;
- Duy trì và phát huy những thuận lợi đã có, tiếp tục xử lý các vấn đề còn tồn tại; Giữ vững sự phát triển ổn định, đồng thời tạo đà nâng cao hiệu quả và quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo.

Giai đoạn tiếp theo (từ 2013) Công ty sẽ mở rộng quy mô hoạt động, kết hợp với tổ chức lại và phát triển thêm các đơn vị thành viên, các cơ sở sản xuất, phân phối, dịch vụ cùng liên kết về vốn và nguồn lực, mở rộng thị trường và tính đa dạng dưới một thương hiệu AIC chung.

5.2. Các giải pháp chủ yếu thực hiện mục tiêu

Để đạt được các mục tiêu trong hoạt động sản xuất kinh doanh như trên, Công ty đề ra các biện pháp cụ thể như sau:

*** Nhóm giải pháp về vốn:**

- Trước mắt, để hoàn thành tốt nhiệm vụ cổ phần hóa, dựa trên đặc thù của công ty chủ yếu là hoạt động kinh doanh, dịch vụ khoa học và công nghệ, vốn thường xuyên không cần nhiều, Công ty xác định mức vốn điều lệ cần thiết hợp lý, bảo đảm sử dụng vốn hiệu quả nhất, đồng thời quan hệ tốt, giữ chữ tín với ngân hàng trong và ngoài nước để huy động vốn tín dụng.
- Ngay trong giai đoạn hoạt động đầu tiên, Công ty sẽ tiến hành thử nghiệm các hình thức tăng vốn điều lệ, phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu, huy động vốn trung, dài hạn, mở rộng liên doanh, liên kết...khi triển khai các dự án đầu tư lớn, hoặc các dự án mang tính chiến lược phục vụ cho việc phát triển thị trường lâu dài.

*** Nhóm giải pháp về cơ chế quản lý điều hành công ty**

- Xây dựng cơ chế quản lý điều hành phù hợp với mô hình công ty cổ phần, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định của công ty nhằm phát huy hơn nữa tiềm năng của các đơn vị, đồng thời bảo đảm công tác quản lý được tập trung, đồng bộ và hiệu quả.
- Cải tiến phương thức sản xuất kinh doanh: bên cạnh việc duy trì những sản phẩm, dịch vụ truyền thống, Công ty sẽ mạnh dạn đầu tư nghiên cứu và đẩy mạnh phát triển những sản phẩm dịch vụ mới hướng tới việc xuất khẩu, đặc biệt là gia công phần mềm; tăng cường và mở rộng các dịch vụ gắn với thị trường CNTT và Viễn thông, xúc tiến mạnh hoạt động thương mại kỹ thuật cho các ngành Dầu khí, hàng hải, Quốc Phòng và các Tổng Công ty lớn.
- Tổ chức lại một cách tập trung và bài bản các hoạt động phát triển thị trường, tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, hình ảnh của Công ty, đa dạng hóa hình thức tiếp cận thị trường.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính phù hợp, nâng cao hiệu quả việc sử dụng vốn kinh doanh bằng quản lý, sử dụng và điều hòa tiền vốn hợp lý, đầu tư có hiệu quả, không để phát sinh nợ xấu, tiến hành rà soát, đánh giá lại các dự án đầu tư để hiệu chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.
- Xây dựng cơ chế tiền lương, tiền thưởng mới gắn với vị trí công tác và hiệu quả công việc của người lao động, phù hợp với mô hình công ty cổ phần.

*** Nhóm giải pháp về tổ chức:**

- Công ty sẽ tiến hành tái cơ cấu tổ chức, sắp xếp bộ máy cho phù hợp với mô hình hoạt động của công ty cổ phần theo hướng chuyên nghiệp, gọn nhẹ đảm bảo được tính tự chủ của các đơn vị.
- Tổ chức lại hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể cho phù hợp với công ty cổ phần nhằm phát huy và nâng cao tinh thần trách nhiệm, sáng tạo của người lao động.
- Xây dựng cơ chế, tăng cường hợp tác chặt chẽ với cán bộ giáo viên và các nhà khoa học trong Học viện Kỹ thuật quân sự theo hình thức phù hợp (qua hợp đồng công việc, qua các hình thức hợp tác, liên kết phía Công ty đầu tư trang thiết bị và thị trường, phía Đơn vị trong Học viện – nhân lực chất xám) nhằm sáng tạo và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ khoa học công nghệ có hàm lượng chất xám cao cho thị trường quốc phòng, kinh tế.
- Tạo cơ chế, chính sách cụ thể để xây dựng, đào tạo và duy trì được đội ngũ cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn tốt, có năng lực, có trách nhiệm, tận tâm, chủ động trong công việc nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, thích ứng với các phương thức kinh doanh đa dạng trong thời kỳ mới.

6. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản (giai đoạn 2010 – 2012)

	Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2011	2012
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	6.000	6.285	6.715
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	30.000	40.000	50.000
3	Tổng chi phí	Tr.đ	29.550	39.290	48.900
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	450	710	1.100

	Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2011	2012
5	Thuế TNDN (25%)	Tr.đ	50	110	200
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	400	600	900
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	1,33	1,50	1,80
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	6,67	9,55	13,40
9	Phân phối lợi nhuận	Tr.đ	400	600	900
9.1	Trích quỹ đầu tư phát triển (tối thiểu 10%)	Tr.đ	60	90	140
9.2	Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	Tr.đ	20	30	45
9.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%-10%)	Tr.đ	35	50	80
9.4	Cổ tức được chia	Tr.đ	285	430	635
10	Tỷ lệ cổ tức	%	4,75	6,84	9,46
11	Tổng số LĐ bình quân	Người	153	160	185
12	Thu nhập bình quân người/tháng	1000đ	4.486	4.875	5.248

Nguồn: Phương án cổ phần hóa AIC

Chú thích:

- Đã tính tới giảm số lao động là cộng tác viên từ Học viện Kỹ thuật quân sự và tăng chi phí thuê mặt bằng văn phòng.
- Vốn điều lệ tăng dần theo hình thức trả cổ tức hàng năm bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, hoặc phát hành thêm cổ phiếu khi có nhu cầu về vốn.

7. Rủi ro của đợt bán đấu giá

7.1 Rủi ro về kinh tế

Trong giai đoạn các năm 2002-2007, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định với mức tăng trưởng GDP trung bình trong các năm từ 2002-2007 là từ 7,7 – 8,48%/năm. Tuy nhiên trong năm 2008, nền kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam đã bộc lộ những khó khăn nhất định. Kinh tế thế giới trong năm 2008 đang chứng kiến các dấu hiệu suy thoái của nền kinh tế Mỹ, sự biến động trong hệ thống tài chính toàn cầu, sự bất ổn của giá dầu và dấu hiệu của cuộc khủng hoảng lương thực trên toàn cầu... Đối với Việt Nam, nền kinh tế đã có độ mở nhất định đối với nền kinh tế thế giới. Vì vậy, những biến động kinh tế mạnh trong hệ thống toàn cầu đã và đang tác động đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, từ đó cũng gây những tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của phần lớn các doanh nghiệp.

Theo Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Việt Nam, mặc dù tốc độ tăng GDP năm 2008 là 6,23%, thấp hơn 2,25% so với năm 2007 và thấp hơn 0,77% so với kế hoạch điều chỉnh nhưng trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, Việt Nam đạt được tốc độ tăng như vậy cũng là một thành tựu lớn, tạo điều kiện thuận lợi để giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội². Trong năm 2009, dự báo nền kinh tế thế giới và kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, tuy nhiên sẽ từng bước phục hồi. Mục tiêu tăng trưởng GDP đề ra cho năm 2009 là 6,5%³. Để hoàn thành tốt mục tiêu, Đảng và Nhà nước đã chủ động tập trung mọi nỗ lực nhằm ngăn chặn việc suy giảm kinh tế, phân đấu duy trì tỷ lệ tăng trưởng hợp lý, bền vững, giữ ổn định kinh tế vĩ mô bằng một loạt các biện pháp kích thích kinh tế như ban hành

² Nguồn: <http://www.laodong.com.vn> ngày 31/12/2008

³ Nguồn: www.gso.gov.vn

gợi kích cầu tập trung vào các ngành đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện chính sách vay ưu đãi lãi suất, miễn thuế thu nhập cá nhân cho các đối tượng trong sáu tháng đầu năm 2009 Dưới những tác động tích cực của những chính sách kích thích kinh tế, trong Quý 3 năm 2009 kinh tế Việt nam đã có những dấu hiệu khả quan như thị trường chứng khoán tăng điểm mạnh, thị trường bất động sản có dấu hiệu khởi sắc, tình hình xuất khẩu được cải thiện.

Mặc dù vẫn còn những khó khăn trong ngắn hạn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế vừa xảy ra, tuy nhiên về dài hạn, kinh tế Việt Nam vẫn hứa hẹn có những bước tiến mạnh mẽ.

7.2 *Rủi ro về luật pháp*

Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới. Do vậy, hệ thống pháp luật của Nhà nước không ngừng được chỉnh sửa, bổ sung và ban hành mới. Luật pháp Việt Nam chưa thật sự hoàn chỉnh và có nhiều quy định chồng chéo. Các thay đổi về luật pháp sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của AIC chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, Luật chứng khoán và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các chính sách thuế, các quy định về chất lượng sản phẩm, chính sách ưu đãi đầu tư. Bất kỳ sự thay đổi nào trong các quy định này cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

7.3 *Rủi ro về đặc thù ngành*

Sự phát triển nhanh về công nghệ, dịch vụ trên thế giới và trong khu vực trong điều kiện chu kỳ thay đổi công nghệ ngày càng ngắn sẽ là một sức ép lớn, đặt các Công ty hoạt động trong ngành điện tử, tin học, viễn thông, tự động hóa trước nguy cơ tiềm ẩn tụt hậu về công nghệ nếu không có chiến lược tiếp cận cụ thể và linh hoạt. Đây cũng là rủi ro kinh doanh lớn của AIC.

Bên cạnh đó, trong lĩnh vực khảo sát, thiết kế xây dựng, Công ty cũng phải chịu cạnh tranh gay gắt từ rất nhiều doanh nghiệp lớn hoạt động trong ngành xây dựng.

Đặc biệt, việc gia nhập WTO cũng sẽ làm tăng thêm nhiều đối thủ cạnh tranh đến từ nước ngoài có quy mô vốn lớn, công nghệ hiện đại, nhiều kinh nghiệm và uy tín. Áp lực cạnh tranh tất yếu sẽ dẫn tới việc giảm giá dịch vụ đồng thời phải nâng cao chất lượng. Điều này cũng sẽ ảnh hưởng nhất định đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7.4 *Rủi ro khác*

Những rủi ro đó có thể xuất phát từ phía thiên nhiên (lũ lụt, hạn hán...), rủi ro, tai nạn (cháy, nổ,...). Đây là các rủi ro do biến cố bất ngờ, bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của tổ chức bán đầu giá, ảnh hưởng mang tính khu vực, ngành nghề và bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể gặp phải. Song các rủi ro này rất hiếm khi xảy ra.

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2009

**ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
QUỐC TẾ VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC TƯ VẤN DOANH NGHIỆP**

**ĐẠI DIỆN
CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (AIC)
GIÁM ĐỐC**

LA THỊ HỒNG HOA

LÊ ANH DŨNG